

Số: 37/2022/QĐST-HNGĐ

Nguyễn Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đình Thanh H; sinh ngày: 15/6/1979;

Trú tại: Khu phố C, phường ĐC, thị xã BC, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Chị Tô Thị Thanh T; sinh ngày: 11/6/1981;

Địa chỉ: Tổ dân phố s, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình Thanh H và chị Tô Thị Thanh T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đình Thanh H và chị Tô Thị Thanh T cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Đình Thanh H và chị Tô Thị Thanh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Đình Gia B; sinh ngày 06/10/2008. Hiện nay, cháu B đang sống với chị T tại Tổ dân phố s, thị trấn NH, huyện NH, tỉnh Cao Bằng.

Anh H, chị T thỏa thuận. Sau khi ly hôn, chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đình Gia B cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H, chị T tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H được quyền đi lại thăm nom con theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Nguyễn Đình Thanh H và chị Tô Thị Thanh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Nguyễn Đình Thanh H và chị Tô Thị Thanh T pH nộp mỗi người 75.000,đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Xác nhận anh H tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí cho cả Nguyên đơn và Bị đơn. Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 150.000,đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh đã nộp tại biên lai số 0001825 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. Anh H được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Nguyên Bình;
- Chi cục THADS huyện Nguyên Bình;
- UBND phường TCB;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Thu Lịch**

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP  
ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

....., ngày..... tháng ..... năm .....

#### QUYẾT ĐỊNH

#### CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng.....năm.....,  
giữa<sup>(2)</sup>:

.....  
.....  
.....

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.....tháng.....năm .....

#### XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày.... tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

#### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa <sup>(3)</sup> .....

.....

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:<sup>(4)</sup> .....

.....

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

#### THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.
- (4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề pH giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).